

Số: 04 /2019/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2019

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Thực hiện Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng, Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, như sau:

1. Điểm b khoản 2 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

b) “Đầu tư xây dựng mới và sửa chữa, nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước tập trung nông thôn hiện có cho các xã vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, vùng có khó khăn về nguồn nước và có cam kết đảm bảo hoạt động bền vững công trình cấp nước theo đúng các hướng dẫn thực hiện nội dung tiêu chí số 17.1 (tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch) theo quy định tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, trong đó, ưu tiên đầu tư mở rộng cấp nước từ các công trình cấp nước đô thị và các công trình cấp nước hiện có, có khả năng mở rộng; đối với khu vực chưa có điều kiện đầu tư công trình cấp nước tập trung, hỗ trợ, hướng dẫn người dân xử lý nước sinh hoạt từ công trình cấp nước phân tán hộ gia đình, nhất là hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách.”

2. Bổ sung điểm c vào khoản 2 Điều 7 như sau:

“c) Xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.”

3. Sửa đổi, bổ sung khổ đầu và khoản 5 tại Điều 8; bổ sung khoản 6 và khoản 7 vào Điều 8 như sau:

“Nội dung đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp thực hiện theo Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020; Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Thí điểm hoàn thiện nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016-2020”; Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020 và các văn bản hướng dẫn có liên quan, trong đó tập trung thực hiện các nội dung sau:”

“5. Xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động có hiệu quả trong lĩnh vực nông nghiệp; ưu tiên các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các hợp tác xã nông

nghiệp liên kết tiêu thụ nông sản, hợp tác xã phát triển sản xuất gắn với Chương trình Mỗi xã một sản phẩm;”

“6. Chi đạo và triển khai thực hiện Đề án phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến 2020 tại địa phương;”

“7. Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng cho các hợp tác xã nông nghiệp theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ hợp tác xã giai đoạn 2015-2020.”

4. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Nội dung phát triển ngành nghề nông thôn thực hiện theo quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn; Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020 và các văn bản hướng dẫn có liên quan.”

5. Tên Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.”

6. Điểm b khoản 2 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Nội dung tập huấn, bồi dưỡng theo các chuyên đề trong Chương trình khung do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

Ngoài các nội dung chuyên đề tập huấn, bồi dưỡng đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, các địa phương xem xét bổ sung thêm chuyên đề, các hoạt động đào tạo, tập huấn gắn với thăm quan, học tập kinh nghiệm phù hợp với nhu cầu thực tiễn và nguồn lực thực hiện. Các nội dung tập huấn, bồi dưỡng có thể được tổ chức nhiều lần để cung cấp kiến thức phù hợp với đặc thù của các học viên.”

7. Bổ sung vào cuối điểm b khoản 2 Điều 12 như sau:

“Tuyên truyền, phổ biến các quy định về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm”

8. Bỏ khổ đầu điểm c khoản 2 Điều 12.

Điều 2. Hiệu lực thi hành


1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 16 tháng 5 năm 2019.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, Sở NN&PTNT, Sở LĐT&XH, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Website Chính phủ;
- Website Bộ NN và PTNT;
- Lãnh đạo Bộ NN và PTNT;
- Các đơn vị thuộc Bộ NN và PTNT;
- Lưu: VT, VPĐP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Trần Thanh Nam

Trần Thanh Nam

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Số: 121 /SY-UBND

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Văn phòng Nông thôn mới;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNN.⁽⁰⁴⁾

SAO Y BẢN CHÍNH
Thái Nguyên, ngày 24 tháng 4 năm 2019
**TL. CHỦ TỊCH
CHỖ VĂN PHÒNG**



Bùi Thanh Hải

Bùi Thanh Hải